



QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM (QUA SÁNG TÁC CỦA MỘT SỐ NHÀ THƠ TIÊU BIỂU)

Lê Hoàng Trung, Nguyễn Bá Long*

Trường Đại học Cửu Long

*Email: nguyenbalong@mku.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/07/2025; Ngày phản biện: 13/11/2025; Ngày duyệt bài: 15/12/2025

TÓM TẮT

Văn học, với tư cách là một hiện tượng tinh thần thẩm mỹ và một hình thái ý thức xã hội đặc thù, luôn mang trong mình tính quan niệm, trong đó quan niệm nghệ thuật về con người giữ vị trí trung tâm. Mọi hình tượng nghệ thuật được kiến tạo trong tác phẩm văn học đều gắn liền với cách nhìn, cách cảm và cách lý giải của chủ thể sáng tạo về con người và đời sống con người; ngay cả những biểu hiện thuộc về vô thức cũng phản ánh những tầng sâu của quan niệm nghệ thuật. Thế giới nhân sinh trong văn học vì thế là không gian của sự đa dạng các ý niệm, quan điểm và cách tiếp cận về con người. Bài viết tiếp cận vấn đề quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học Việt Nam thông qua sáng tác của một số nhà thơ tiêu biểu, nhằm làm rõ điểm nhìn nghệ thuật (point de vue) của chủ thể sáng tạo đối với con người trong những bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Qua đó, nghiên cứu bước đầu chỉ ra rằng việc khám phá quan niệm nghệ thuật về con người không chỉ giúp hiểu rõ giá trị tư tưởng và nhân văn của tác phẩm mà còn góp phần nhận diện đặc trưng phong cách và vị trí của tác giả trong tiến trình văn học dân tộc. Đây là nghiên cứu mang tính định hướng, làm cơ sở cho những khảo sát chuyên sâu hơn trong các công trình tiếp theo.

Từ khóa: Quan niệm nghệ thuật về con người; văn học.

ABSTRACT

As an aesthetic spiritual phenomenon and a specific form of social consciousness, literature is inherently conceptual, with the artistic conception of human beings occupying a central position. Every artistic image created in literary works is closely associated with the writer's perspective, perception, and interpretation of human beings and human life; even unconscious expressions reflect deeper layers of artistic conception. Therefore, the human world in literature is a space of diverse ideas, viewpoints, and interpretations of humanity. This paper approaches the issue of the artistic conception of human beings in Vietnamese literature through the works of several representative poets, aiming to identify the artistic point of view of authors toward human beings within particular historical and cultural contexts. The study preliminarily indicates that exploring the artistic conception of human beings not only helps clarify the ideological and humanistic values of literary works but also contributes to identifying authors' stylistic characteristics and their positions in the development of national literature. This research serves as an initial exploration, providing a foundation for further in-depth studies.

Keywords: Artistic concept of humanity, literature.

1. Mở đầu

Quan niệm nghệ thuật về con người được coi như hạt nhân của thi pháp học. Luận đề “Văn học là nhân học” đã quá quen thuộc, nhưng cắt nghĩa cho thật thấu đáo lại không đơn giản. Kì thực không riêng gì văn học mới hướng đến con người, lấy con người làm trung tâm. Vấn đề là văn học khám phá con người về phương diện tinh thần, theo một cảm quan thẩm mỹ nhất định. Và quan niệm ở đây cũng được hiểu ở phương diện tinh thần. Quan niệm nghệ thuật về con người là cách hiểu, cách nhìn con người trong thế giới nghệ thuật (NBL nhấn mạnh). Nó liên quan chứ không đồng nhất với quan niệm về con người trong các hình thái ý thức xã hội khác, ngoài nghệ thuật (nếu không vậy thì nghệ thuật chẳng có lí do gì để tồn tại). Rõ ràng, không phải ngẫu nhiên mà nhà triết học Hegel xếp nghệ thuật vào nhóm *tinh thần tuyệt đối*, phân biệt với nhóm *tinh thần khách quan*. Thuộc nhóm *tinh thần tuyệt đối* nên văn học có khả năng trường tồn, đồng hành với lịch sử nhân loại khi nó đạt đỉnh cao thẩm mỹ và quan niệm tiến bộ về con người. Có thể nói, biểu đạt thân phận - tính cách - khát vọng của con người thì không gì thay thế văn học. *Truyện Kiều* bắt đầu bởi thiên tài của Nguyễn Du, nhưng trước hết còn bởi nỗi đau nhân tính của ông trước “những điều trông thấy”. Hậu thế có quyền đánh giá trên nhiều phương diện, cả mặt tiến bộ và hạn chế của Nguyễn Du (bao gồm quan niệm về con người) nhưng không thể làm giảm giá trị nhân văn của *Truyện Kiều*. Giả sử, Cụ Nguyễn Tiên Điền chỉ một giọng ngợi ca thì sự thể chắc chắn sẽ khác, Cụ có thể thăng tiến cao hơn ở chốn quan trường nhưng chưa hẳn đã có mặt trong địa chỉ danh nhân văn hóa thế giới. Phán đoán ngẫu hứng như thế là để muốn nói rằng, cứu cánh của nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng vẫn là con người: Con người với tất cả quyền sống - quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc của từng cá thể; mọi biểu hiện coi con người

như “đám đông phương tiện” đều không bao giờ sản sinh ra kiệt tác: “*Bất tri tam bách dư niên hậu / Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?*” (*Độc Tiểu Thanh kí* - Nguyễn Du). Trên là một hướng tiếp cận.

2. Phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp loại hình

Bài viết chọn loại hình thơ để phân tích quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học Việt Nam, tức đối tượng của nó thuộc loại hình trữ tình. Bám sát đặc trưng loại hình này, trong quá trình triển khai, chúng tôi chọn dẫn chứng và phân tích sáng tác của một số nhà thơ tiêu biểu trong văn học trung đại và văn học hiện đại để làm rõ vấn đề cần nghiên cứu.

* Phương pháp so sánh, đối chiếu

Cũng phương pháp loại hình, chúng tôi so sánh, đối chiếu quan niệm về con người trong sáng tác của các thế hệ nhà thơ thời kháng chiến chống Mỹ và sáng tác của một nhà thơ trong và sau cuộc chiến đó (ví dụ Tố Hữu). So sánh để thấy rõ sự chuyển dịch quan niệm từ con người sử thi thời kháng chiến sang con người cá thể, riêng tư, đòi thường thời hòa bình.

* Phương pháp phân tích, tổng hợp

Để bài viết tăng thêm tính thuyết phục, chúng tôi vận dụng phương pháp này vào việc phân tích một số dẫn chứng thơ mà bản thân thấy cần thiết, từ đó tổng hợp, làm rõ một số điểm cần nghiên cứu trong văn học Việt Nam nhìn từ quan niệm nghệ thuật về con người.

3. Kết quả và thảo luận

- Thứ nhất, khi nhà văn nảy ra quan niệm về con người thì đồng thời cũng nảy ra thủ pháp miêu tả con người bằng nghệ thuật (khác khoa học khám phá con người). Nhà văn miêu tả đối tượng không thể không bộc lộ quan niệm về đối tượng; quan niệm ấy thuộc về chủ thể mang dấu ấn thời đại. Chẳng hạn, thời Nguyễn Du, quan niệm con

người có hai cõi: trần thế (cõi dương - “Trăm năm trong cõi người ta”) và âm thế (tức cõi bên kia - “*Trông ra ngọn cỏ lá cây / Thấy hiu hiu gió, thì hay chị về*”); hai cõi có thể giao cảm, đối thoại với nhau (Kiều - Đạm Tiên): “*Kiều rằng những đấng tài hoa / Thác là thể phách, còn là tinh anh*”. Do quan niệm về con người đa chiều, sâu sắc như vậy, nên triết lí nhân sinh trong sáng tác của Nguyễn Du thấu tận thế giới tâm linh; nỗi cảm thông với thân phận con người không chỉ khi họ tồn tại ở dạng thể chất mà cả khi họ đã tan vào cát bụi “*Vãn chiêu hồn từng thắm giọt mưa rơi*” (Chế Lan Viên).

• Thứ hai, vấn đề không thể không quan tâm là quan niệm nghệ thuật về con người được hình thành từ cơ sở nào?

Trước hết, nó được hình thành từ nhân sinh quan của các trường phái triết học, chính trị, tôn giáo, tín ngưỡng. Quan niệm nghệ thuật về con người còn nằm trong mạch nguồn của một nền văn hóa. Tuy nhiên, đây là quá trình chuyển hóa chứ không đồng nhất. Quan niệm nghệ thuật về con người được thể hiện bằng các phương tiện, phương thức nghệ thuật, tồn tại trong thế giới nghệ thuật, chứ không phải là những học thuyết khô cứng, trừu tượng, giáo điều. Khi nhà văn thay đổi quan niệm nghệ thuật về con người tức cũng thay đổi luôn cả phương tiện, phương thức tạo lập văn bản. Như vậy, **đổi mới văn học trước hết phải đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người** (NBL nhấn mạnh).

Sau cái hào sảng của *Bình Ngô đại cáo*, khép lại mười năm kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, sáng tác của Nguyễn Trãi chuyển hẳn sang chiều sâu hướng nội. Ông nhìn con người và cuộc đời không như thời bình đao, trận mạc trước đây. Bên trong phong thái đỉnh đạc, bình thản của một sĩ phu thanh cao, khí tiết là nỗi đau nhân tình thế thái, nỗi buồn cho người đời đổi trắng thay đen, lòng dạ khó lường, mưu ma kế quỷ. Thơ Nguyễn

Trãi biến đổi thể thức, xen lục ngôn với thất ngôn, khó tìm thấy trong kho tàng thơ ca dân tộc:

Đứng đỉnh chiều hôm dất tay

Trông thế giới phút chim bay

Non cao non thấp mây thuộc

Cây cứng cây mềm gió hay

Nước mấy trăm thu còn vậy

Nguyệt bao nhiêu kiếp nhẵn này

Ngoại chung mọi chốn đều thông hết

Bui một lòng người cực hiểm thay

(Mạn thuật IV - *Quốc âm thi tập*)

Như trên đã khẳng định, quan niệm nghệ thuật về con người thể hiện qua cách nhìn, cách cảm, cách tiếp cận, cách lí giải,... của nhà văn đối với con người, tương ứng với nó là các thủ pháp, phương thức xây dựng thành văn bản nghệ thuật (tức thế giới hình tượng - một ảo ảnh của thế giới khách quan). Chẳng hạn, cho con người có số mệnh nên mở đầu Truyện Kiều, Nguyễn Du viết “Trăm năm trong cõi người ta / Chữ Tài, chữ Mệnh khéo là ghét nhau”. Cuộc đời Thúy Kiều trượt dài trên đường ray định mệnh ấy. Đây là cơ sở để người ta khẳng định cảm hứng của Truyện Kiều là cảm hứng định mệnh. Đồng thời, xét về phương diện thời đại, thời Nguyễn Du (thế kỉ XVIII), ý thức hệ phong kiến đã lung lay, không đủ hấp lực như trước nữa. Cho nên vấn đề được quan tâm nhiều nhất, riết nóng nhất trong văn học lại là thân phận con người (NBL nhấn mạnh). Mô típ “thương thân”, “xót thân” nổi đậm hơn bao giờ hết. Có thể nói, toàn bộ sáng tác của Nguyễn Du (đỉnh cao là Truyện Kiều) đều thuộc Chủ nghĩa cảm thương: Thương cho thân phận con người, con người sống không bằng con vật, không bằng cỏ cây, trâu ngựa. Hoài Thanh có lí khi ông viết “Quyền sống của con người trong Truyện Kiều” (còn “Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực” của Lê Đình Kị chưa chắc

đã thuyết phục được số đông nhà nghiên cứu). Tư tưởng thương thân kéo sang đến thế kỉ XX, kể cả trong sáng tác của một số nhà văn thuộc dòng cách mạng.

Tuy nhiên, do gắn với triết học, chính trị, đạo đức,... cho nên quan niệm nghệ thuật về con người cũng có thang bậc nông - sâu khác nhau. Và nó như cơ sở để đánh giá những sáng tác thâm thúy - trái ngược những sáng tác hời hợt - sơ sài (tức quy chiếu theo tiêu chí nhân văn), dĩ nhiên tiêu chí này phải được biểu đạt bằng những thủ pháp nghệ thuật điêu luyện, bằng sự miêu tả, lí giải con người một cách sinh động, hấp dẫn.

- Thứ ba, lại một sự phân biệt khác cần xác định: Chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa yêu nước luôn song hành trong văn chương từ cổ chí kim như hai dòng chủ lưu, không thể tách rời; càng không thể “bên trọng bên khinh”. Trong bối cảnh Tổ quốc lâm nguy, vấn đề tồn vong của dân tộc được đặt lên hàng đầu thì tư tưởng nhân văn nhường chỗ cho tư tưởng yêu nước đứng trước, trên nó. Nhưng không thể lãng tránh, bỏ quên nó. Thơ văn yêu nước cách mạng chân chính bao giờ cũng thấm đượm lòng yêu thương con người, vẫn quan niệm con người như thực thể trung tâm, cứu nước là cứu người, cảm thông và chia sẻ với nỗi đau của con người. Nói như nhà thơ Việt Phương:

Một phần tư thế kỷ đã qua đi và có lẽ bây giờ ta đã biết

Thế nào là yêu thương thế nào là chém giết

Ta đã thấy những chỗ lõm chỗ lồi trên mặt trăng sao

Những vết bùn trên tận đỉnh chín tầng cao

(Cửa mở, Nxb Văn học, 1970)

Nhà thơ Hữu Thịnh thấu rõ: “Mẹ nén nỗi đau / dầu tờ báo tử / sáng mai lại tiễn con nhập ngũ”. Và phía sau cuộc chiến là “*Chị vắng*

anh nên chị bị thừa ra / Ngày giỗ tết trong họ hàng nội ngoại... / Một mình một mâm cơm / ngồi bên nào cũng lệch / Chị chôn tuổi xuân trong má lúm đồng tiền (Hữu Thịnh - *Đường tới thành phố*). Nguyễn Đức Mậu khái quát theo đúng kiểu cách của một nhà thơ chiến trận: “*Nếu trở về đông đủ / Sư đoàn tôi sẽ thành mấy Sư đoàn*” (Trường ca *Sư đoàn*). Đó cũng là quan niệm về con người, con người đối diện với chiến tranh. Trong chiến tranh, dù là cuộc chiến chính nghĩa, thân phận người lính, người dân chân đất bao giờ cũng chịu nhiều mất mát, tang thương, nhiều hi sinh gian khổ nhất; đúng là “*Không ai nhớ mặt đặt tên / Nhưng họ đã làm ra Đất nước*” (Nguyễn Khoa Điềm).

Những Hữu Thịnh, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Khoa Điềm trích dẫn trên, Thanh Thảo, Lương Minh Cừ trích dẫn tiếp theo, họ đều thuộc thế hệ thơ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ - những nhà thơ vừa cầm súng vừa cầm bút, vừa đánh giặc vừa làm thơ, hơn ai hết, nơi chiến hào ác liệt đối mặt với quân thù, họ thấu hiểu cái giá của chiến tranh giải phóng dân tộc, cái mất mát hi sinh của người lính chiến trường. Ấy là người chiến sĩ đặc công ngã xuống trong một trận đánh:

Đêm ấy không về nữa Thường ơi

Khẩu B40 vẫn chắc trong tay bạn

Thân thể bạn máu loang vết đạn

Thường ra đi giữa tuổi đôi mươi.

...

Bạn ra đi, còn sống mãi nụ cười

Và những câu thơ, viết còn dang dở

Những câu thơ viết bằng máu đỏ...

(*Đêm ấy bạn không về nữa Thường ơi* -

Lương Minh Cừ)

Là buổi tiễn đưa nhiều đồng đội hi sinh nơi chiến trường Nam Bộ, hào sảng và bi thương:

*Thôi các anh nằm cho chúng tôi vượt mắt
Mình sẽ thức bên nhau tới lúc bật ánh ngày
Sống còn đất, chết chôn trên còn đất
Ôi làm sao bỏ được nơi này.*

(*Đêm trên cồn* - Thanh Thảo)

Viết như vậy thì không đơn chiều, không một màu hồng về chiến tranh được. Càng không quan niệm con người số đông, con người giai cấp, thậm chí con người phương tiện như trong sáng tác của một số người làm thơ nhằm mục đích ngoài thơ.

Rõ là trong một dòng văn học, một khuynh hướng sáng tác, tuy đã có định hướng chung, nhưng quan niệm về con người lại không như nhau, giá trị nhân văn cũng khác nhau. Nói văn học cách mạng là văn học tranh đấu, con người trong đó cũng chỉ là con người tranh đấu... xem ra chỉ đúng một phần. Với Tố Hữu, trước *Một tiếng đồn* (tên tập thơ), đúng là thơ ông đậm chất cách mạng, chất tranh đấu, luôn đặt con người vào giới hạn cách mạng và tranh đấu: “*Tôi chưa chết nghĩa là chưa hết hận / Nghĩa là chưa hết nhục của muôn đời / Nghĩa là còn tranh đấu mãi không thôi*” (*Tâm tư trong tù - Từ ấy*). Với Tố Hữu, khi viết về thân phận con người ở những mô típ “mồ côi”, “đi ở”, “đầy tớ”, “kĩ nữ”,... hay khi viết về con người số đông từ trẻ đến già, từ sống đến chết, kể cả chuyện đời tư, tất cả đều hướng về cách mạng, về cộng đồng, đều trở thành biểu tượng để tuyên truyền, vận động quần chúng. Thế mới có những câu như “*Lão ngồi mơ nước Nga*” (*Lão đầy tớ - Từ ấy*); “*Anh nắm tay em sôi nổi vụng về / Và nói vạy trái tim anh đó / Rất chân thật chia ba phần tươi đỏ / Anh giành riêng cho Đảng phần nhiều / Phần cho thơ và phần để em yêu*” (*Bài ca mùa xuân 61 - Gió lộng*),... Bao trùm lên tất cả, Tố Hữu nhìn con người bằng con mắt sử thi, con người cộng đồng, con người đầy huyền thoại: “*Em là ai cô gái hay nàng tiên*”

(*Người con gái Việt Nam - Gió lộng*); “*Như Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi*” (*Bài ca xuân 68 - Ra trận*).

Tuy nhiên đến tập *Một tiếng đồn*, Ta với ta thì quan niệm về con người của Tố Hữu đã có những đổi thay nhất định “*Ta đang ở đâu, đang về đâu ? / Biển sâu, ngược gió, mấy con tàu... / Người qua đường đó, là ai đó / Có biết lòng nhau, rõ mặt nhau?*” (*Xuân đang ở đâu*). Và có cả nỗi buồn nhân thế: “*Có khổ đau nào đau khổ hơn / Trái tim tự xát muối cô đơn / Em ơi nghe đó... trong đêm lạnh / Đằm thắm bên em, một tiếng đồn*” (*Một tiếng đồn*). Ấy là tiếng thơ của một Tố Hữu khi đã trở về sống giữa đời thường. Có lẽ ông nhìn cuộc đời, nhìn con người không chỉ một màu hồng phơi phới như xưa nữa, mà đa diện, nhiều chiều kích hơn, đời thường hơn. Bởi xã hội chưa hết bất công ngang trái, cuộc đời có niềm vui nhưng cũng không ít nỗi buồn. Từ “*Phần cho thơ và phần để em yêu*” thời *Gió lộng* đến “*Đằm thắm bên em một tiếng đồn*” đã có sự xê dịch, cân đối giữa cái chung và cái riêng trong cõi người. Rõ ràng, chuyện quốc gia, dân tộc là chuyện lớn nhưng chuyện hạnh phúc riêng tư cũng không phải chuyện nhỏ. Mỗi con người sinh ra đều có quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc, quý cả một đồng lúa chín, đồng thời cũng phải biết nâng niu đến từng bông lúa, bởi cái lí đơn giản: nó là lúa, là đồng loại giống nòi, nói như Chế Lan Viên: “*Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt / Gỗ trăm cây đều muốn hóa nên trầm*” (*Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*”).

4. Kết luận

Suy cho cùng, vấn đề cốt lõi, muôn thuở của văn học vẫn là thân phận, tính cách, phẩm tiết con người. Sự thể hiện con người trong văn học mang tính quan niệm, thay đổi quan niệm nghệ thuật về con người tức là thay đổi cả quá trình sáng tạo từ nội dung, tư tưởng đến thi pháp, thủ pháp nghệ thuật.

Quan niệm nghệ thuật về con người chịu sự chi phối của lịch sử, do vậy nó không cố định, bất biến, kể cả trong sáng tác của một nhà văn./.

Vĩnh Long, tháng 12 năm 2025

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Hoa Bằng, Lương Ngọc Bích (Đồng chủ biên), (2025), *“Chân dung thơ Lương Minh Cừ”*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Lương Minh Cừ (1976), *“Chân trời vùng sâu (tập thơ)”*, Phòng Tuyên huấn Cục chính trị Bộ Tư lệnh Quân khu Sài Gòn- Gia Định - Chợ Lớn xuất bản
- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2007), *“Từ điển thuật ngữ văn học”*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Nguyễn Đức Mậu (1980), *“Trường ca sư đoàn”*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- Nhiều tác giả (Lương Minh Cừ tuyển chọn - 2020), *“Chúng con chiến đấu cho người sống mãi Việt Nam ơi! (tập thơ)”*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân.
- Nhiều tác giả (2003), *“Tổ Hữu thơ và đời”*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- Trần Đình Sử (2003), *“Giáo trình dẫn luận thi pháp học”*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Thanh Thảo (2012), *“Thơ thời chiến tranh”*, Tuổi trẻ chủ nhật (số ra 07/05), tr. 3.
- Hữu Thịnh (1985), *“Từ chiến hào tới thành phố”*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- Nguyễn Bá Long (2024), *“Cảm hứng và giọng điệu thơ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ”*, Nxb Đại học Cần Thơ.